TÒA ÁN NHÂN DÂN H. QUẾ VÕ **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG H ÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/5/2018
V/v: Ly hôn giữa chị L, anh Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chung, cán bộ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.
2. Ông Nguyễn Hữu Hãn, cán bộ hưu xã Việt Hùng, huyện Quế Võ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thứ, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 9 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993. (có mặt)
STQ: Thôn Đức Tái, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
HKTT: Thôn Lựa, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1990. (có mặt)
STQ: Thôn Lựa, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ thì các đương sự thống nhất khai như sau:

Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Đình Th vào tháng 6/2013, kết hôn do hai bên tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng về chung với gia đình nhà anh Thuần. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần hai năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn.

Theo phía chị L trình bày: Vợ chồng chung sống đến khoảng cuối năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do phía anh Th không quan tâm vợ con, anh Th mải chơi bài bạc đã nhiều lần đem đồ đạc trong gia đình đi cắm dí lấy tiên chơi bời cá nhân. Ngoài việc anh Th chơi bời như vậy thì anh Th còn có nhiều mối quan hệ bất nam nữ bất chính, không chung thủy với chị. Khi anh Th như vậy chị cũng đã nhiều lần góp ý nhưng cũng không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Nh, sinh ngày 21/3/2013. Hiện nay cháu Nhật đang ở với bố, ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con chung vì chị cho rằng anh Th không đủ điều kiện để nuôi con chung, anh Th mải chơi bời, không quan tâm chú ý đến con. Việc anh Th nếu được nuôi con sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của con nên chị đề nghị được nuôi con. Nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị L trình bày, năm 2016 bố mẹ chồng chị có làm cho vợ chồng khoảng 80m^2 nhà ở trên phần đất của bố mẹ chồng có giá trị khoảng 120.000.000 đồng, trong đó chị có góp vào số tiền 18.000.000 đồng là tiền lương của chị để làm. Ngoài ra bố mẹ đẻ chị cũng mua cho số vật liệu gồm tôn lạnh, gạch xây, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh…. Nay chị đề nghị anh Th phải trích chia cho chị số tiền là 50.000.000 đồng. Ngoài ra chị L không yêu cầu gì khác.

Phía anh Thuần trình bày: Anh Th xác nhận việc anh với chị L kết hôn như chị L đã trình bày là đúng. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng hiện nay đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nên anh cũng đồng ý ly hôn như yêu cầu mà chị L đã đưa ra.

Về con chung; Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Nh, sinh ngày 21/3/2013. Hiện nay cháu Nh đang ở với anh, ly hôn anh Th cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và anh cũng không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Anh Th xác nhận việc năm 2016 vợ chồng có cùng với bố mẹ anh làm được ngôi nhà có diện tích khoảng 80m^2, có trị giá khoảng 120.000.000 đồng. Nay ly hôn anh đồng ý với ý kiến của chị L, anh sẽ có nghĩa vụ trích trả chị L số tiền làm nhà là 50.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa có ý kiến về việc trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng cũng như phía các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cả chị L và anh Th đều tự nguyện thuận tình ly hôn nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai bên. Về con chung, vợ chồng

có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Nh, sinh ngày 21/3/2013, hiện cháu Nh đang ở với bố. Ly hôn thấy rằng cả phía chị L và anh Th đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung và xét về điều kiện vật chất thì cả hai cũng có điều kiện tốt để trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên hiện nay cháu Nhật vẫn đang ở với bố, phía chị L đang đi làm tại khu công nghiệp, điều kiện làm ca kíp nên về mặt thời gian có hạn chế hơn so với anh Th. Để tránh việc thay đổi môi trường học cũng là tạo điều kiện cho cháu Nh ổn định tâm lý cần tiếp tục giao cho anh Th trực tiếp chăm sóc con chung. Anh Th không yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên xác định khối tài sản vợ chồng đang sử dụng có giá trị 120.000.000 đồng, anh Th sở hữu tài sản của vợ chồng và có nghĩa vụ trích trả chị L số tiền là 50.000.000 đồng. Về án phí; Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí chia tài sản do hai bên thỏa thuận trước phiên tòa nên anh Th, chị L chỉ phải chịu ½ số tiền án phí đối với giá trị tài sản được chia.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Đình Th vào tháng 6/2013, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung, sau đó đời sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần do phía anh Th thiếu sự quan tâm đến vợ con, gia đình. Một nguyên nhân chủ yếu khác là do vợ chồng đã mất niềm tin vào nhau về sự chung thủy vợ chồng, cả vợ và chồng đều có sự nghi ngờ nhau không chung thủy, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc. Nay phía chị L có yêu cầu ly hôn, phía anh Th cũng nhất trí với yêu cầu của chị L. Thấy rằng mục đích của hôn nhân giữa anh Th với chị L đã không đạt được nên cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị L với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Nh, sinh ngày 21/3/2013. Ly hôn cả chị L và anh Th đều có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi con chung. Phía chị L trình bày hiện chị cũng có công việc làm thường xuyên với thu nhập khoảng hơn 10.000.000 đồng/ tháng, với thu nhập như vậy chị đủ điều kiện để chăm nuôi con một cách tốt nhất. Mặt khác anh Th là người ham chơi cờ bạc, không chăm sóc gia đình. Việc anh Th nếu được nuôi con sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cháu Nh. Phía anh Th cũng có nguyện vọng tha thiết được nuôi con, anh cũng trình bày hiện anh cũng đi làm Công an viên của xã Việt Hùng và làm tại đài truyền thanh xã với thu nhập hơn 4.000.000 đồng. Mặt khác anh cũng có làm thêm khác có thu nhập đủ điều kiện nuôi con tốt. Cháu Nh cũng đang ở với bố và ông bà nội và được chăm sóc chu đáo. Xét thấy về điều kiện

vật chất, cả phía chị L và anh Th đều có điều kiện để chăm lo cho con chung và nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của cả hai đều là chính đáng, điều đó cũng thể hiện được tình cảm và trách nhiệm của cả chị L và anh Th đối với con chung. Tuy nhiên về mặt thời gian thì chị L trong công việc cũng phải làm ca nhiều, chị có tuần làm ca ngày, tuần làm ca đêm nên cũng phần nào ảnh hưởng đến thời gian để chăm sóc con. Cháu Nh hiện đang ở với bố và đi học ở trường làng, mọi sinh hoạt gia đình cũng như môi trường ở lớp học cháu Nh đã làm quen. Phía trường mầm non nơi cháu Nh học tập cũng có nhận xét tốt về cháu, cháu chăm ngoan, có sức khỏe tốt nên Hội đồng xét xử thấy rằng để tránh sự xáo trộn về tâm lý đối với cháu cần tiếp tục giao cháu Nh cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Th.

Về tài sản chung: Vợ chồng xác nhận năm 2016 có cùng với bố mẹ anh Th xây dựng được ngôi nhà có diện tích khoảng 80m^2 trên thửa đất của bố mẹ anh Th, có giá trị 120.000.000 đồng. Ngôi nhà mà hiện nay anh Th đang sử dụng. Ly hôn hai bên thỏa thuận anh Th sẽ có trách nhiệm trích trả công sức đóng góp vào việc làm nhà của chị L với số tiền 50.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của cả hai bên nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L, anh Th phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật tương ứng với giá trị tài sản được phân chia. Do phần tài sản hai bên thỏa thuận trước phiên tòa nên mỗi bên phải chịu ½ số tiền án phí theo quy định. Anh Th chịu án phí của số tiền 70.000.000 đồng, chị L chịu án phí của số tiền 50.000.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L với anh Nguyễn Đình Th.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Nh, sinh ngày 21/3/2013. Phí tổn cấp dưỡng nuôi con chung anh Th không yêu cầu nên chị L không phải cấp dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Th và chị L, anh Th được sở hữu số tài sản vợ chồng tạo lập được nhưng phải có nghĩa vụ trích trả chị L

với số tiền là 50.000.000 đồng. Chị L được nhận số tiền 50.000.000 đồng do anh Th trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự chia tài sản nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị đã nộp theo biên lai thu số 04967 ngày 21/11/2017 và số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0002507 ngày 02/01/2018. Anh Th phải chịu 1.750.000 đồng tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Th, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Sỹ Cây

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- UBND xã Việt Hùng, Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ, ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chung, ông Nguyễn Hữu Hãn.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017 về việc ly hôn giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1993.
STQ: Thôn Đức Tái, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
HKTT: Thôn Lựa, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Thuần, sinh năm 1990.
STQ: Thôn Lựa, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào chứng cứ và các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét tòa diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau.

I. *Về quan hệ pháp luật*: Quan hệ pháp luật "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình".

Biểu quyết nhất trí: 3/3.

II. *Về áp dụng pháp luật*: Áp dụng Điều 56, Điều 59, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết nhất trí: 3/3.

III. *Về nội dung giải quyết:*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lan với anh Nguyễn Đình Thuần.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Thuần được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình Minh Nhật, sinh ngày 21/3/2013. Phí tổn cấp dưỡng nuôi con

chung anh Thuần không yêu cầu nên chị Lan không phải cấp dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Thuần và chị Lan, anh Thuần được sở hữu số tài sản vợ chồng tạo lập được nhưng phải có nghĩa vụ trích trả chị Lan với số tiền là 50.000.000 đồng. Chị Lan được nhận số tiền 50.000.000 đồng do anh Thuần trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan phải chịu án 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự chia tài sản nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị đã nộp theo biên lai thu số 04967 ngày 21/11/2017 và số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0002507 ngày 02/01/2018. Anh Thuần phải chịu 1.750.000 đồng tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Thuần, chị Lan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Biểu quyết nhất trí: 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**
Nguyễn Hữu Hãn	Nguyễn Thị Chung	Nguyễn Sỹ Cây

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Sỹ Cây

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- UBND xã Việt Hùng, Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Sỹ Cây